

Phụ lục 1:
ĐỀ XUẤT KẾ HOẠCH VÀ DỰ TOÁN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG HỖ TRỢ
MIỄN PHÍ ĐÀO TẠO QUẢN TRỊ (BAO GỒM QUẢN TRỊ KẾ TOÁN, THUẾ,
NHÂN SỰ) CHO HỘ KINH DOANH, CÁ NHÂN KINH DOANH NĂM 2026
(Kèm Công văn số ~~3379~~/BTC-DNTN ngày...20...tháng...03...năm 2026
của Bộ Tài chính)

TÊN ĐƠN VỊ CHỦ QUẢN
CƠ QUAN, TỔ CHỨC HỖ TRỢ HKD, CNKD

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...../.....

....., ngày tháng năm

ĐỀ XUẤT KẾ HOẠCH VÀ DỰ TOÁN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG
HỖ TRỢ MIỄN PHÍ ĐÀO TẠO QUẢN TRỊ (BAO GỒM QUẢN TRỊ KẾ
TOÁN, THUẾ, NHÂN SỰ) CHO HỘ KINH DOANH, CÁ NHÂN
KINH DOANH NĂM 2026

1. Thuyết minh về những nội dung đề xuất hỗ trợ:

- Sự cần thiết triển khai các hoạt động hỗ trợ đào tạo cho hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh (HKD, CNKD) về quản trị (bao gồm cả quản trị, kế toán, thuế, nhân sự).
- Nhu cầu của HKD, CNKD trong lĩnh vực, địa bàn phụ trách.
- Năng lực tổ chức, thực hiện; phối hợp thực hiện.
- Số lượng HKD, CNKD dự kiến thực hiện hỗ trợ
- Các thông tin liên quan khác.

2. Số liệu tổng hợp về đề xuất kinh phí thực hiện hỗ trợ hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh năm 2026:

Tổng kinh phí đề nghị để hỗ trợ đào tạo cho HKD, CNKD: đồng.
Trong đó:

- Từ nguồn ngân sách trung ương: đồng.
- Từ nguồn ngân sách địa phương: đồng.

Chi tiết số liệu tại biểu 1,2.

....., ngày..... tháng..... năm 2026
THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký, họ tên, đóng dấu cơ quan)

TÊN: đơn vị chủ quản

Tên:Cơ quan, tổ chức hỗ trợ HKD, CNKD

Biểu 1: Kế hoạch và dự toán kinh phí hỗ trợ đào tạo quản trị (bao gồm quản trị kế toán, thuế, nhân sự) cho HKD, CNKD năm 2026

(Kèm Công văn số...../BTC-DNTN ngày.....tháng.....năm..... của Bộ Tài chính)

DVT: đồng

TT	Nội dung (khóa đào tạo/dịa bàn)	Đơn vị tính	Chi phí thực tế			Phân chia nguồn				Căn cứ				Ghi chú
			Số lượng	Đơn giá	Thành tiền/tổng chi phí tổ chức	NSNN hỗ trợ		Nguồn tài trợ (nếu có)	Tỷ học phí của học viên/DNNVV đóng góp	Tỷ lệ, định mức tối đa tại ND 20/2026/ND- CP	Điều, khoản tham chiếu			
						Chi phí để tính NSNN hỗ trợ	Số tiền NSNN hỗ trợ			Tỷ lệ % NSNN	Nghị định 20/2021/ND-CP	Thông tư 06/2022/TT- BKHT	Thông tư 52/2023/TT- BTC	
a	b	c	d	e	f=d*e	g	h	i	j=g-h-i	k	l	m	n	o
1	Đào tạo trực tiếp về quản trị (bao gồm quản trị kế toán, thuế, nhân sự). (=1+2+3+4)													
1	Khóa đào tạo quản trị									100%	Điều 11	khoản 2, khoản 3 Điều 12	Điểm a,b khoản 1; khoản 4 Điều 8	
2	Khóa đào tạo quản trị kế toán									100%	Điều 11	khoản 2, khoản 3 Điều 12	Điểm a,b khoản 1; khoản 4 Điều 8	
3	Khóa đào tạo quản trị thuế									100%	Điều 11	khoản 2, khoản 3 Điều 12	Điểm a,b khoản 1; khoản 4 Điều 8	
4	Khóa đào tạo quản trị nhân sự									100%	Điều 11	khoản 2, khoản 3 Điều 12	Điểm a,b khoản 1; khoản 4 Điều 8	

[illegible]

TT	Nội dung (khóa đào tạo/địa bàn)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền/tổng chi phí tổ chức	NSNN hỗ trợ		Nguồn tài trợ (nếu có)	Tư học phí của học viên/DNNVVđóng góp	Tỷ lệ, định mức tối đa tại ND 20/2026/ND- CP	Điều, khoản tham chiếu			Ghi chú
						Chi phí để tính NSNN hỗ trợ	Số tiền NSNN hỗ trợ			Tỷ lệ % NSNN	Nghị định 20/2021/ND-CP	Thông tư 06/2022/TT- BKHT	Thông tư 52/2023/TT- BTC	
IV	Quản lý trực tiếp hoạt động đào tạo													
	Tổng cộng (=I+II+III+IV)													

....., ngày..... tháng..... năm....

NGƯỜI LẬP

(Ký, họ tên)

LÃNH ĐẠO ĐƠN VỊ

(Ký, họ tên, đóng dấu cơ quan)

Biểu 2:

CƠ QUAN, TỔ CHỨC...

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DỰ TOÁN KINH PHÍ TỔ CHỨC KHÓA ĐÀO TẠO (Áp dụng cho khóa đào tạo quản trị (bao gồm quản trị kế toán, thuế, nhân sự) cho HKD, CNKD năm 2026).

Đơn vị đào tạo:

Địa điểm thực hiện:

Thời gian thực hiện:

Nội dung/chuyên đề đào tạo:

Hình thức tổ chức: ... (Ghi rõ hình thức đào tạo trực tiếp/kết hợp/trực tuyến);

Số học viên tham gia: (*1)[illegible]

B	Hỗ trợ học phí cho học viên (*)	HV	(*8)	(*9)	X	X	(*10)	X	X	
	=> Cơ cấu chi phí tổ chức 01 khóa đào tạo:				(*2)	X	(*11)	(*3)	(*12)	

(Kèm danh sách HKD, CNKD: Tên, Mã số kinh doanh/ Mã số thuế...)

.... ngày ... thángnăm....

NGƯỜI LẬP
(Ký, họ tên)

PHỤ TRÁCH ĐÀO TẠO
(Ký, họ tên)

LÃNH ĐẠO CƠ QUAN, ĐƠN VỊ
(Ký, họ tên, đóng dấu cơ quan)

Ghi chú:

- (*) : Áp dụng cho khóa đào tạo quản trị doanh nghiệp quy định tại điểm a khoản 1 Điều 14 Nghị định số 80/2021/NĐ-CP
- (**) : Áp dụng đối với Báo cáo quyết toán kinh phí
- (***) : Áp dụng cho khóa đào tạo tại HKD, CNKD trong lĩnh vực sản xuất, chế biến (ghi rõ tên doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành nghề, lĩnh vực hoạt chính, số điện thoại liên lạc, số lao động bình quân/năm, tổng nguồn vốn hoặc tổng doanh thu của năm)
- (****) : Đối với khóa đào tạo tại HKD, CNKD trong lĩnh vực sản xuất, chế biến: chỉ ghi theo học viên (danh sách học viên tham gia khóa học theo mẫu quy định tại Thông tư số 52/2023/TT-BTC ngày 08/8/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính).
- X** : Không phản ánh

**Phụ lục 2: MẪU QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾ HOẠCH VÀ
DỰ TOÁN KINH PHÍ**

(Kèm Công văn số ~~3379~~ BTC-DNTN ngày ~~20~~ tháng ~~03~~ năm ~~2024~~ của Bộ Tài chính)

CƠ QUAN/ ĐƠN VỊ...

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: /QĐ-...

....., ngày tháng năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt kế hoạch và dự toán kinh phí hỗ trợ miễn phí đào tạo về quản trị (bao gồm quản trị kế toán, thuế, nhân sự) cho hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh năm 2026

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN/ ĐƠN VỊ

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15 ngày 25/6/2025;

Căn cứ ... quy định chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức của ...;

Căn cứ Nghị quyết số 198/2025/QH15 ngày 17/5/2025 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc biệt phát triển kinh tế tư nhân;

Căn cứ Nghị định số 20/2026/NĐ-CP ngày 15/01/2026 của Chính phủ về quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị quyết số 198/2025/QH15 ngày 17/5/2025 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc biệt phát triển kinh tế tư nhân;

Căn cứ Thông tư số 06/2022/TT-BKHĐT ngày 10/5/2022 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư (nay là Bộ Tài chính) hướng dẫn một số điều của Nghị định số 80/2021/NĐ-CP ngày 26/8/2021 của Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 52/2023/TT-BTC ngày 08/8/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn cơ chế sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước chi thường xuyên hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa theo quy định tại Nghị định số 80/2021/NĐ-CP ngày 26/8/2021 của Chính phủ;

Xét đề nghị của,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kế hoạch và dự toán kinh phí hỗ trợ miễn phí đào tạo về quản trị (bao gồm quản trị kế toán, thuế, nhân sự) cho hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh năm 2026 theo biểu đính kèm.

Điều 2.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Tài chính;
- Lưu: VT.

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN/ ĐƠN VỊ

Biểu:**KẾ HOẠCH VÀ DỰ TOÁN KINH PHÍ HỖ TRỢ ĐÀO TẠO QUẢN TRỊ (BAO GỒM QUẢN TRỊ KẾ TOÁN, THUẾ, NHÂN SỰ) CHO HKD, CNKD NĂM 2026***(Ban hành kèm Quyết định số...../QĐ-... ngày.....tháng..... năm 2026)*

TT	Tên nhiệm vụ/Đơn vị thực hiện	Tổng dự toán	Trong đó			Căn cứ Nghị định số 20/2026/NĐ-CP
			Từ NSTW	Từ NSDP	Từ đóng góp, tài trợ (nếu có)	
(a)	(b)	(c=d+e+f)	(d)	(e)	(f)	(g)
1	Trường, Viện...	1,000,000	700,000	300,000		
1.1	Đào tạo trực tiếp về quản trị (bao gồm quản trị kế toán, thuế, nhân sự)					Điều 11
1.2	Đào tạo trực tuyến về quản trị (bao gồm quản trị kế toán, thuế, nhân sự)					Điều 11
1.3	Đào tạo kết hợp về quản trị (bao gồm quản trị kế toán, thuế, nhân sự)					
1.4	Quản lý trực tiếp hoạt động đào tạo					
2	Sở, Trung tâm...	1,000,000	700,000	300,000		
2.1	Đào tạo trực tiếp về quản trị (bao gồm quản trị kế toán, thuế, nhân sự)					Điều 11
2.2	Đào tạo trực tuyến về quản trị (bao gồm quản trị kế toán, thuế, nhân sự)					Điều 11
2.3	Đào tạo kết hợp về quản trị (bao gồm quản trị kế toán, thuế, nhân sự)					
2.4	Quản lý trực tiếp hoạt động đào tạo					
Tổng						

NGƯỜI LẬP*(Ký, họ tên)*

Danh sách gửi công văn

1) Các bộ:

1	Bộ Tài chính
2	Bộ Nông nghiệp và Môi trường
3	Bộ Công Thương
4	Bộ Giáo dục và Đào tạo
5	Bộ Khoa học và Công nghệ

2) Các UBND, Sở TC: 34 tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương

TT	Tên tỉnh, TP
1	Tỉnh Tuyên Quang
2	Tỉnh Lào Cai
3	Tỉnh Thái Nguyên
4	Tỉnh Phú Thọ
5	Tỉnh Bắc Ninh
6	Tỉnh Hưng Yên
7	Thành phố Hải Phòng
8	Tỉnh Ninh Bình
9	Tỉnh Quảng Trị
10	Thành phố Đà Nẵng
11	Tỉnh Quảng Ngãi
12	Tỉnh Gia Lai
13	Tỉnh Khánh Hoà
14	Tỉnh Lâm Đồng
15	Tỉnh Đắk Lắk
16	Thành phố Hồ Chí Minh
17	Tỉnh Đồng Nai
18	Tỉnh Tây Ninh
19	Thành phố Cần Thơ

20	Tỉnh Vĩnh Long
21	Tỉnh Đồng Tháp
22	Tỉnh Cà Mau
23	Tỉnh An Giang
24	Thành phố Hà Nội
25	Thành phố Huế
26	Tỉnh Lai Châu
27	Tỉnh Điện Biên
28	Tỉnh Sơn La
29	Tỉnh Lạng Sơn
30	Tỉnh Quảng Ninh
31	Tỉnh Thanh Hoá
32	Tỉnh Nghệ An
33	Tỉnh Hà Tĩnh
34	Tỉnh Cao Bằng